

Bản án số: 32/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31 - 5 - 2022

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- *Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thiện

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thái Linh; ông Bùi Văn Hồng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hải Thuần - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 46/2022/TLST - HNGĐ, ngày 05/01/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2022/QĐXXST - HNGĐ, ngày 16 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1997**

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm M, xã X, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

*** Bị đơn: Anh Trần Danh V, sinh năm 1993**

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: Xóm M, xã X, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.

Hiện đang lao động tại Hàn Quốc. Vắng mặt

*** Người tham gia tố tụng khác:** Bà Nguyễn Thị Dương L (mẹ đẻ anh Trần Danh V); địa chỉ: Xóm M, xã X, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như các tài liệu, chứng cứ đã thu thập trong quá trình giải quyết, vụ án có nội dung như sau:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Danh V kết hôn hợp pháp với nhau vào ngày 20/5/2015 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Trước khi kết hôn chị T và anh V được tự do tìm hiểu, đi đến hôn nhân tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc

với nhau được khoảng 04 năm thì xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên bất đồng quan điểm sống, cãi cọ, thiếu tôn trọng lẫn nhau. Năm 2020, anh Trần Danh V đi lao động ở nước ngoài, cũng từ đó mâu thuẫn ngày càng gay gắt hơn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra tranh cãi nhau và do mỗi người một nơi không có thời gian, điều kiện bên nhau để chia sẻ cùng nhau dẫn đến không còn tình cảm với nhau. Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể tiếp tục hàn gắn, hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về quan hệ con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Nguyễn Thị T và anh Trần Danh V có 01 con chung là Trần Thu P, sinh ngày 07/9/2015. Chị Nguyễn Thị T đồng ý giao con chung cho anh Trần Danh V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành và chị sẽ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi các cháu đến tuổi trưởng thành.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị T trình bày vì lý do sức khỏe, phải đi chữa bệnh dài ngày nên chị xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và ủy quyền việc giao nhận tài liệu của Tòa án cho bà Trần Thị Lan (mẹ đẻ chị T); địa chỉ: Xóm Đ, xã M, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.

- Quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Danh V trình bày: Anh thống nhất như trình bày của chị T về thời gian kết hôn, địa điểm kết hôn, thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc cũng như thời gian vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn. Nay, anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, nên chị T yêu cầu ly hôn chị đồng ý.

Về con chung: Anh Trần Danh V có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Trần Thu Phương, sinh ngày 07/9/2015 đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị T đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Do hiện nay anh đang lao động tại Hàn Quốc chưa về Việt Nam nên anh nhờ mẹ đẻ anh là bà Nguyễn Thị Dương L chăm sóc, nuôi dưỡng cháu cho đến khi anh về Việt Nam.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trần Danh V trình bày : Do hiện nay anh đang lao động tự do tại Hàn Quốc nên không thể cung cấp địa chỉ cụ thể của anh tại Hàn Quốc cho Tòa án được cũng như do công việc anh không thể về Việt Nam để trực tiếp giải quyết vụ án nên anh xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và ủy quyền việc giao nhận tài liệu cho bà Nguyễn Thị Dương L (mẹ đẻ anh V); địa chỉ: Xóm Mai Sơn, xã X, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.

- Người tham gia tố tụng khác bà Nguyễn Thị Dương L trình bày: Do hiện nay anh V đang lao động tại Hàn Quốc không thể trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Trần Thu P nên bà tự nguyện xin được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phương cho đến khi anh V về Việt Nam và đồng ý nhận các tài liệu, văn bản tố tụng của Tòa án tổng đạt cho anh V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ án, đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 81, 82, 83, 123, 127 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Trần Danh V.

- Về con chung: Giao con chung Trần Thu P, sinh ngày 07/9/2015 cho anh Trần Danh V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị Nguyễn Thị T đóng góp cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng cho đến khi con đến tuổi trưởng thành và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không được ai ngăn cản.

- Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Anh Trần Danh V hiện đang sinh sống, lao động tự do tại Hàn Quốc không có địa chỉ cụ thể. Tại công văn số 4132/QLXNC-P5, ngày 25/02/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an, xác nhận: Anh Trần Danh V, sinh ngày 21/6/1993 đã xuất cảnh, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Danh V trình bày vì điều kiện công việc không thể về Việt Nam để trực tiếp giải quyết vụ án và yêu cầu được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, anh V ủy quyền giao nhận tài liệu, chứng cứ của Tòa án cho mẹ là bà Nguyễn Thị Dương L; địa chỉ: Thôn M, xã X, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Chị Nguyễn Thị T trình bày vì lý do sức khỏe, phải đi chữa bệnh dài ngày nên chị xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và ủy quyền việc giao nhận tài liệu của Tòa án cho bà Trần Thị Lan (mẹ đẻ chị T); địa chỉ: Xóm Đ, xã M, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị T và anh Trần Danh V theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Danh V đã tuân thủ các điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn ngày 20/5/2015 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định về điều kiện kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 04 năm thì xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên bất đồng quan điểm sống, cãi cọ, thiếu tôn trọng lẫn nhau. Năm 2020, anh Mâu thuẫn trầm trọng nhất là từ năm 2019, sau khi anh đi lao động tại nước ngoài. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra tranh cãi nhau và do mỗi

người một nơi không có thời gian, điều kiện bên nhau để chia sẻ cùng nhau dẫn đến không còn tình cảm với nhau. Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chung thủy, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau... nhưng cuộc hôn nhân của chị T và anh V không đạt được mục đích đó, mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, chung thủy, giúp đỡ nhau.

Tại Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định “*Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn*”. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Trần Danh V.

[2.2] Quan hệ con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Nguyễn Thị T và anh Trần Danh V có 01 con chung là Trần Thu P, sinh ngày 07/9/2015. Từ nhỏ đến nay, cháu ở cùng với bà Nguyễn Thị Dương L (mẹ đẻ anh V), được bà L chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, cháu phát triển đầy đủ cả về thể chất và tinh thần. Mặc dù, hiện nay anh Trần Danh V đang lao động tại Hàn Quốc không thể trực tiếp thực hiện nghĩa vụ nuôi con chung nhưng xét thấy hiện nay cháu đang sinh sống ổn định với bà L (mẹ anh V), chị T đồng ý giao con chung cho anh V trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung nên cần chấp nhận yêu cầu của anh V và phù hợp với nguyện vọng của cháu Trần Thu Phương và chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu đến tuổi trưởng thành là phù hợp, đúng quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 28, 37, 227, 273, 469, khoản 2 Điều 479, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Trần Danh V

2. Về con chung: Giao con chung Trần Thu Phương, sinh ngày 07/9/2015 cho anh Trần Danh V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi về quyền nuôi con. Chị Nguyễn Thị T đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng cho đến khi cháu đến tuổi trưởng thành và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không được ai ngăn cản. Trong thời gian anh Trần Danh V chưa về nước, bà Nguyễn Thị Dương L tự nguyện chăm sóc cháu Trần Thu P cho đến khi anh V về Việt Nam.

3. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000141 ngày 30/3/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh. Chị Nguyễn Thị T còn phải nộp 300.000 đồng.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã X;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thị Thiện